

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **128/2024/DS-ST**
Ngày 15 tháng 7 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Ông Nguyễn Văn Kịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh, Thư ký Tòa nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 95/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2024/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S chỉ trụ sở: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mã Hà Bửu N chỉ: Ngân hàng TMCP S nhánh S1 Phòng G Quốc lộ A, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023

Bị đơn: Bà Hà M N1 sinh năm 1986, địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 13/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn là ông Mã Hà Bửu N1 trình bày:

Vào ngày 22/11/2021 bà Hà M N1 có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là ngân hàng), loại thẻ: Family Credit EMV, số

thẻ: 970403-0019, hạn mức: 20.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2,77%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng và kích hoạt, bà N1 đã thực hiện các giao dịch, có phát sinh lãi suất và thanh toán với Ngân hàng; tuy nhiên việc thanh toán không đầy đủ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản của hợp đồng, nên đến ngày 16/8/2023 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với bà N2 đến ngày 15/7/2024, bà N1 còn nợ Ngân hàng vốn gốc 22.302.774 đồng, tiền lãi 10.333.075 đồng, tổng cộng là 32.635.849 đồng.

Nay Ngân hàng TMCS Syêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà M N1 phải trả số tiền 32.635.849 đồng; đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn là bà Hà M N1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà N3 nhưng bà N3 không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Bà Hà M N1 là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, xét thấy thỏa thuận hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng lập ngày 22/11/2021 giữa ngân hàng với bà N3 đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là ngân hàng với bên vay là bà N3; các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện với nhu cầu lợi nhuận của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ngân hàng đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng sử dụng thẻ, như vậy ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; việc bà N3 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận; do vậy việc khởi kiện của ngân hàng yêu cầu buộc bà N3 thanh toán nợ của hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với tổng số tiền là 32.635.849 đồng (trong đó vốn gốc là 22.302.774 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.333.075 đồng) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 210 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 7, 8 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Hà M N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền còn nợ vốn gốc là 22.302.774 đồng và tiền lãi 10.333.075 đồng, tổng cộng là 32.635.849 (*ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Hà M N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.631.792 (*một triệu sáu trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi hai*) đồng;

2.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 725.000 (*bảy trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003673 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu

***Nơi nhận:* TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (đề BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Diệu